

## THÔNG BÁO

### V/v: Tuyển sinh Sau đại học năm 2018

*Kính gửi:*

- Các Sở Y tế;
- Các bệnh viện TW, bệnh viện Tỉnh;
- Các Trung tâm Y tế
- Các Trường Đại học Y, Dược, Y tế công cộng;
- Các Trường Cao đẳng Y tế, Trung cấp Y tế.

- Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25/05/2001 của Bộ Trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo Chuyên khoa cấp I;

- Căn cứ Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25/05/2001 của Bộ Trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo Chuyên khoa cấp II;

- Căn cứ Quyết định số 19/2006/QĐ-BYT ngày 04/7/2006 của Bộ Trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo Bác sỹ nội trú;

- Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sỹ;

- Căn cứ Công văn số 8330/BYT-K2ĐT ngày 23 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thay đổi nội dung môn thi tuyển BSNT;

Căn cứ vào Công văn số 1623/BYT-K2ĐT ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc xử lý những vướng mắc trong quy chế đào tạo CKI, CKII và BSNT;

Căn cứ Thông tư 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

**Trường Đại học Y Dược Cần Thơ thông báo kế hoạch tuyển sinh Sau đại học năm 2018 như sau:**

# I. CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

## 1. Các chuyên ngành tuyển sinh:

STT	Chuyên ngành	CKI	CKII	BSNT	Cao học	NCS
1.	Nội khoa	X	X	X	X	X*
2.	Nhi khoa	X	X	X	X	
3.	Khoa học thần kinh					
	Thần kinh	X	X*	X*		
	Tâm thần	X*				
4.	Da liễu	X	X	X		
5.	Y học gia đình	X				
6.	Ung thư	X	X	X		
7.	Ngoại khoa	X	X	X	X	
	Ngoại tiêu hóa					X
	Ngoại niệu		X*			
8.	Sản phụ khoa	X	X	X		
9.	Tai Mũi Họng	X	X	X		
10.	Nhãn khoa	X				
11.	Răng Hàm Mặt	X	X	X	X	
12.	Y học cổ truyền	X	X			
13.	Y học dự phòng	X	X		X	
14.	Y tế công cộng	X	X		X	X
15.	Quản lý y tế		X			
16.	Tổ chức quản lý Dược	X	X			
17.	Dược lý-dược lâm sàng	X	X			
18.	Công nghệ dược phẩm - Bào chế	X				
19.	Kiểm nghiệm thuốc - Độc chất	X			X	
20.	Điều dưỡng	X				
21.	Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ	X*				
22.	Khoa học y sinh					
	Y học hình thái (Giải phẫu học, Giải phẫu bệnh - Pháp y)	X*			X*	
	Y học chức năng (Sinh lý học, Sinh lý bệnh - Miễn dịch)	X			X*	
	Vi sinh y học				X*	
23.	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	X*			X*	
24.	Gây mê hồi sức		X*			

Các ngành đánh dấu "\*" sẽ có thông báo tuyển sinh sau.



## 2. Hình thức, thời gian đào tạo:

- **Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II, Cao học:** Đào tạo tập trung 2 năm.
- **Bác sỹ nội trú:** Đào tạo tập trung 3 năm.
- **Nghiên cứu sinh:** Đào tạo tập trung; thời gian đào tạo là 3 năm đối với người có bằng thạc sỹ đúng chuyên ngành, 4 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học chính qui (hoặc không có bằng thạc sỹ đúng chuyên ngành).

## II. ĐIỀU KIỆN DỰ THI, CÁC MÔN THI

### 1. CHUYÊN KHOA CẤP I

#### a. Điều kiện dự thi:

- Có bằng tốt nghiệp đại học (*Bác sỹ, Dược sỹ, Cử nhân y tế công cộng, Cử nhân xét nghiệm, Cử nhân điều dưỡng*) tương ứng với chuyên ngành đăng ký dự thi thuộc hệ đào tạo dài hạn hoặc hệ 4 năm có chứng chỉ hành nghề (*theo quy định tại Luật khám chữa bệnh*).

- *Tiêu chuẩn cụ thể trình độ chuyên môn từng chuyên ngành:*

+ Thí sinh dự thi ngành Nội khoa, Nhi khoa, Thần kinh, Da liễu, Y học gia đình, Ung thư, Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Tai Mũi Họng, Nhân khoa, Y học chức năng phải có bằng bác sỹ đa khoa và chứng chỉ hành nghề đúng với chuyên ngành dự thi. Trường hợp chứng chỉ hành nghề không đúng nhưng gần với chuyên ngành dự thi, thí sinh phải có xác nhận đã và đang làm việc trong chuyên ngành dự thi tối thiểu 12 tháng (riêng chuyên ngành Tai mũi họng, Nhân khoa phải có thêm chứng chỉ định hướng chuyên khoa).

+ Thí sinh dự thi ngành Y học cổ truyền phải có bằng bác sỹ y học cổ truyền và chứng chỉ hành nghề thuộc lĩnh vực Y học cổ truyền.

+ Thí sinh dự thi ngành Răng Hàm Mặt phải có bằng bác sỹ Răng Hàm Mặt và chứng chỉ hành nghề thuộc lĩnh vực Răng Hàm Mặt.

+ Thí sinh dự thi ngành Tổ chức Quản lý dược, Dược lý-Dược lâm sàng, Công nghệ dược phẩm-Bào chế, Kiểm nghiệm thuốc-Độc chất phải có bằng Dược sỹ đại học và chứng chỉ hành nghề thuộc lĩnh vực Dược hoặc xác nhận thời gian làm việc tối thiểu 12 tháng.

+ Thí sinh dự thi ngành Điều dưỡng phải có bằng cử nhân điều dưỡng (Điều dưỡng đa khoa, điều dưỡng phụ sản, điều dưỡng gây mê,...) và chứng chỉ hành nghề thuộc lĩnh vực Điều dưỡng.

+ Thí sinh dự thi ngành Y tế công cộng phải có bằng bác sỹ đa khoa, bác sỹ y học dự phòng hoặc cử nhân y tế công cộng và có xác nhận thời gian làm việc tối thiểu 12 tháng.

+ Thí sinh dự thi ngành Y học dự phòng phải có bằng bác sỹ đa khoa hoặc bác sỹ y học dự phòng và có xác nhận thời gian làm việc tối thiểu 12 tháng.

- Lý lịch rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Có đủ sức khỏe.
- Các thí sinh thuộc diện trong ngân sách nhà nước phải có quyết định (hoặc giấy giới thiệu) cử đi học của cấp quản lý có thẩm quyền.
- Các thí sinh thuộc diện ngoài ngân sách nhà nước phải có giấy giới thiệu cử đi học của cấp quản lý có thẩm quyền, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp Quận (Huyện) hoặc của Phòng Y tế hoặc cơ quan quản lý chuyên môn.

**c. Các môn thi tuyển:** 2 môn: cơ sở và chuyên ngành

1 - Môn cơ sở:

- + Giải phẫu: cho các chuyên khoa: Ngoại, Sản, Ung thư TMH, RHM, Nhân khoa.
- + Sinh lý: cho các chuyên khoa: Nội, Thần kinh, Nhi, YHCT, Da liễu, DLDLS.
- + Tổ chức quản lý y tế: cho các chuyên khoa: Y học gia đình, Tổ chức quản lý dược.
- + Thống kê y tế: cho các chuyên khoa: Y tế công cộng và Y học dự phòng
- + Sinh lý bệnh: chuyên khoa Y học chức năng.
- + Điều dưỡng cơ bản: chuyên khoa Điều dưỡng.
- + Hóa phân tích: cho các chuyên khoa: Công nghệ dược phẩm-bào chế thuốc, Kiểm nghiệm thuốc và độc chất

2 - Môn chuyên ngành: theo chuyên ngành xin đăng ký dự thi.

## **2. CHUYÊN KHOA CẤP II**

**a. Điều kiện dự thi:**

- Người có bằng tốt nghiệp chuyên khoa I, chuyên ngành tương ứng, có thâm niên công tác trong chuyên ngành dự thi từ 6 năm trở lên (*tính từ ngày tốt nghiệp đại học*); hoặc có bằng tốt nghiệp bác sĩ nội trú/thạc sĩ chuyên ngành tương ứng, có thâm niên công tác trong chuyên ngành dự thi từ đã công tác trong chuyên ngành dự thi 3 năm (*tính từ ngày tốt nghiệp bác sĩ nội trú/thạc sĩ*) và hiện đang làm việc trong chuyên ngành đăng ký dự thi. Trường hợp thí sinh có bằng tốt nghiệp chuyên khoa I, thạc sĩ các chuyên ngành gần với chuyên ngành dự thi phải có chứng chỉ bổ túc kiến thức chuyên khoa I tương ứng chuyên ngành dự thi do Trường Đại học Y Dược Cần Thơ cấp.

- Có chứng chỉ hành nghề (*theo quy định tại Luật khám chữa bệnh*)
- Có đủ sức khỏe.
- Lý lịch rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

**b. Các môn thi tuyển:** 2 môn: ngoại ngữ và chuyên ngành.

1 - Môn ngoại ngữ: tương đương trình độ 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Nếu thí sinh đăng ký dự thi tiếng Pháp, Nga, Đức, Trung phải chịu toàn bộ chi phí ôn thi và mời Hội đồng thi.

\* *Miễn thi môn ngoại ngữ (theo công văn 1623/BYT-K2ĐT)*

- Thí sinh đạt trình độ bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (theo thông tư 01/2014/BGDĐT) được miễn thi tuyển sinh nhưng phải học và thi đạt môn ngoại ngữ trong quá trình đào tạo đạt chuẩn đầu ra mới được xét tốt nghiệp.



- Thí sinh đạt trình độ bậc 4 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam được miễn học, miễn thi tuyển sinh và đạt chuẩn đầu ra.

2 - Môn chuyên ngành: theo chuyên ngành đăng ký dự thi.

### **3. BÁC SĨ NỘI TRÚ**

#### **a. Điều kiện dự thi:**

- Vừa mới tốt nghiệp đại học hệ chính qui năm 2018, thuộc ngành học tương ứng với ngành tốt nghiệp đại học và đạt loại khá trở lên (*chỉ tính điểm thi tốt nghiệp đạt lần 1*).

- Có đủ sức khỏe.

- Trong các năm học không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không bị dừng tiến độ học tập (*trừ lý do sức khỏe*).

- Thí sinh đăng ký dự thi hệ nào thì điểm môn học được chọn là môn chuyên ngành hệ đó. Các cột điểm phải đạt từ 7,0 điểm trở lên theo thang điểm 10 ở lần thi thứ nhất. Cho phép 25% số cột điểm dưới 7,0 nhưng từ 6,5 trở lên hoặc 20% số cột điểm dưới 7,0 nhưng từ 6,0 trở lên.

+ Dự thi nội trú Nội khoa: Xét điểm các môn Nội bệnh lý.

+ Dự thi nội trú Ngoại khoa: Xét điểm các môn Ngoại bệnh lý.

+ Dự thi nội trú Sản phụ khoa: Xét điểm các môn Phụ Sản.

+ Dự thi nội trú Nhi khoa: Xét điểm các môn Nhi.

+ Dự thi nội trú Tai Mũi Họng: Xét điểm các môn Tai Mũi Họng, Ngoại bệnh lý.

+ Dự thi nội trú Ung thư: Xét điểm các môn Ung thư và Ngoại bệnh lý.

+ Dự thi nội trú Da liễu: Xét điểm các môn Da liễu, Nội bệnh lý.

+ Dự thi nội trú Răng Hàm Mặt: Xét điểm các học phần phẫu thuật miệng và hàm mặt, bệnh lý miệng, chữa răng.

\* Thí sinh tốt nghiệp đạt loại xuất sắc, nếu có đủ điều kiện qui định trên sẽ được xét miễn thi tuyển.

#### **b. Các môn thi tuyển:** gồm 5 môn

1 - Môn thi 1: Toán thống kê (*theo chương trình đại học y khoa*).

2 - Môn thi 2: Ngoại ngữ: tương đương trình độ 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

\* *Miễn thi môn ngoại ngữ (theo công văn 1623/BYT-K2ĐT)*

3 - Môn thi 3: chọn 1 trong 4 môn gồm Giải phẫu; Sinh lý; Hóa sinh; Y sinh học di truyền. Ngay trước giờ thi, đại diện thí sinh sẽ bốc thăm để chọn môn thi này, môn được chọn sẽ là môn thi thứ 3 cho tất cả các thí sinh.

4 - Môn thi 4 và 5: Thí sinh đăng ký dự thi các chuyên ngành hệ Ngoại: môn thi 4 là *Ngoại khoa*, môn thi 5 là *Sản phụ khoa*. Thí sinh đăng ký dự thi các chuyên ngành hệ Nội: môn thi 4 là *Nội khoa*, môn thi 5 là *Nhi khoa*. Đối với Bác sĩ Răng Hàm Mặt: Môn thi 4 là *Nha khoa*; môn thi 5 là *Phẫu thuật miệng và hàm mặt*

Môn 4 được xem là môn chuyên ngành. Riêng dự thi chuyên ngành Sản phụ khoa môn chuyên ngành là Sản phụ khoa; dự thi chuyên ngành Nhi khoa môn chuyên ngành là Nhi khoa, dự thi chuyên ngành Ung thư môn chuyên ngành là Ngoại khoa.

#### **4. CAO HỌC**

##### **a. Điều kiện dự thi**

- **Về văn bằng:** tốt nghiệp đại học phù hợp chuyên ngành dự thi

+ Ngành Nội khoa, Ngoại khoa, Nhi khoa, Y học chức năng: thí sinh phải có bằng Bác sỹ đa khoa.

+ Ngành Răng Hàm Mặt: thí sinh phải có bằng Bác sỹ Răng hàm mặt.

+ Ngành Kiểm nghiệm thuốc-Độc chất: thí sinh phải có bằng Dược sỹ đại học.

+ Ngành Y học dự phòng: thí sinh phải có bằng Bác sỹ đa khoa hoặc bác sỹ y học dự phòng.

+ Ngành Y tế công cộng: thí sinh phải có bằng Bác sỹ đa khoa hoặc Bác sỹ y học dự phòng, Dược sỹ đại học, cử nhân y tế công cộng. Thí sinh có bằng tốt nghiệp cử nhân chính qui các ngành: Điều dưỡng, Kỹ thuật y học phải có chứng chỉ Bỏ túc kiến thức Y tế công cộng trong thời gian 3 tháng với 24 tín chỉ; thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học liên thông các ngành Điều dưỡng, Kỹ thuật y học dự thi ngành y tế công cộng phải có chứng chỉ Bỏ túc kiến thức Y tế công cộng trong thời gian 6 tháng với 48 tín chỉ của chương trình y tế công cộng do Trường Đại học Y Dược Cần Thơ cấp.

- **Về thâm niên:**

+ Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học bác sĩ/dược sĩ hệ chính qui loại giỏi phải có thâm niên công tác liên tục ít nhất 9 tháng trong chuyên ngành tính từ ngày ký trên bằng tốt nghiệp đến ngày dự thi (*có xác nhận bảo hiểm xã hội 9 tháng của cơ quan công tác*).

+ Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học bác sĩ/dược sĩ hệ chính qui còn lại phải có thâm niên công tác liên tục ít nhất 12 tháng trong chuyên ngành tính từ ngày ký trên bằng tốt nghiệp đến ngày dự thi (*có xác nhận bảo hiểm xã hội 12 tháng của cơ quan công tác*).

+ Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học bác sĩ/dược sĩ hệ liên thông phải có thâm niên công tác liên tục ít nhất 24 tháng trong chuyên ngành tính từ ngày ký trên bằng tốt nghiệp đến ngày dự thi (*có xác nhận bảo hiểm xã hội 24 tháng của cơ quan công tác*).

+ Thí sinh có bằng tốt nghiệp cử nhân chính qui các ngành: Điều dưỡng, Kỹ thuật y học dự thi ngành Y tế công cộng phải có đủ ít nhất 12 tháng kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực y tế công cộng, y học dự phòng tính từ ngày ký trên bằng tốt nghiệp đến ngày dự thi (*có xác nhận bảo hiểm xã hội 12 tháng của cơ quan công tác*).

+ Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học liên thông các ngành Điều dưỡng, Kỹ thuật y học dự thi ngành Y tế công cộng phải có đủ ít nhất 24 tháng làm việc trong lĩnh vực y tế công cộng, y học dự phòng tính từ ngày ký trên bằng tốt nghiệp đến ngày dự thi (*có xác nhận bảo hiểm xã hội 24 tháng của cơ quan công tác*).

**b. Các môn thi tuyển:** 3 môn.



1 - Môn ngoại ngữ: ngoại ngữ dùng trong thi tuyển là tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

**\* Thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ nếu có một trong những điều kiện sau:**

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

- Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ được quy định tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.

2 - Môn cơ sở:

+ Giải phẫu: đối với Ngoại khoa, Y học chức năng, Răng Hàm Mặt.

+ Sinh lý: đối với Nội khoa, Nhi khoa, Y tế công cộng, Y học dự phòng.

+ Hóa phân tích: đối với Kiểm nghiệm thuốc và độc chất.

3 - Môn chuyên ngành:

+ Tổ chức quản lý y tế: đối với Y tế công cộng, Y học dự phòng.

+ Chuyên môn Ngoại: đối với Ngoại khoa.

+ Chuyên môn Nội: đối với Nội khoa.

+ Chuyên môn Nhi: đối với Nhi khoa.

+ Chuyên môn Y học chức năng (bao gồm Sinh lý, Sinh hóa, Sinh lý bệnh-Miễn dịch, Y sinh học di truyền): đối với Y học chức năng.

+ Chuyên môn Nha khoa: đối với Răng Hàm Mặt.

+ Chuyên môn Kiểm nghiệm thuốc: đối với Kiểm nghiệm thuốc và độc chất.

## **5. NGHIÊN CỨU SINH**

**a. Hình thức tuyển sinh:** Xét tuyển dựa vào 2 tiêu chí

+ Đánh giá hồ sơ dự tuyển

+ Đánh giá đề cương nghiên cứu trước Hội đồng chuyên môn của nhà Trường.

**b. Điều kiện dự tuyển**

1. Văn bằng:

Thí sinh dự tuyển phải có các điều kiện sau:

- Có bằng thạc sĩ (hoặc bằng bác sĩ chuyên khoa cấp II, bác sĩ nội trú có chương trình và quỹ thời gian đào tạo bằng đến cao hơn chương trình thạc sĩ) phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển; và có bằng đại học thuộc khối ngành khoa học sức khỏe.

- Đối với người chưa có bằng thạc sĩ: Có bằng tốt nghiệp đại học thuộc khối ngành khoa học sức khỏe hệ chính quy loại giỏi trở lên phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển.

### 2. *Thâm niên công tác:*

Thời gian công tác đúng chuyên ngành đăng ký dự tuyển tính từ khi tốt nghiệp đại học đến ngày dự thi:

- Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp bác sĩ/dược sĩ đại học hệ chính quy:

+ Đối với ngành Ngoại tiêu hóa: có chứng chỉ hành nghề và:

- Loại giỏi, có bằng thạc sĩ.
- Loại giỏi: 60 tháng (5 năm);
- Loại khá: 72 tháng (6 năm), có bằng thạc sĩ;
- Loại trung bình: 84 tháng (7 năm), có bằng thạc sĩ;

+ Đối với ngành Y tế công cộng: thời gian công tác giảm đi một năm tương ứng với từng xếp loại trên bằng tốt nghiệp.

- Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp cử nhân Y tế công cộng hệ chính quy: thâm niên công tác tính như ngành Ngoại tiêu hóa.

- Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp bác sĩ/dược sĩ đại học hệ liên thông: Thời gian công tác đúng chuyên ngành đăng ký dự tuyển tính từ khi tốt nghiệp đại học đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (*không kể thời gian học thạc sĩ*) là 96 tháng (8 năm).

### 3. *Ngoại ngữ:*

a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo quy định tại điểm c khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (*có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh*).

### 4. *Minh chứng nghiên cứu khoa học*



- Đối với người có bằng thạc sĩ: Có ít nhất 1 bài báo (đứng tên thứ nhất) liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng).

- Đối với người chưa có bằng thạc sĩ: Có ít nhất 2 bài báo (đứng tên thứ nhất) được công bố trong tạp chí khoa học, trong đó có ít nhất 1 bài liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng).

- Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

5. *Công trình nghiên cứu khoa học*: Có ít nhất 1 công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở đã được nghiệm thu.

#### 6. *Thư giới thiệu*

Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

7. *Có đề cương về dự định nghiên cứu* (có mẫu kèm theo).

8. *Được cơ quan quản lý nhân sự (nếu là người đã có việc làm)*, hoặc trường nơi sinh viên vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với người tốt nghiệp loại giỏi hoặc thạc sĩ chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật.

9. *Thí sinh trúng tuyển phải đóng kinh phí đào tạo và học phí theo qui định.*

10. *Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo.*

### III. CHẾ ĐỘ ƯU TIÊN

#### 1. *Đối tượng ưu tiên:*

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

e) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm 1, Khoản này;

f) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

g) Đối tượng theo quyết định 319/QĐ-TTG ngày 07 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ về khuyến khích đào tạo và phát triển nhân lực y tế các chuyên ngành Lao, Phong, Tâm thần, Pháp y và Giải phẫu bệnh.

## **2. Chính sách ưu tiên:**

- Chỉ xét ưu tiên cho thí sinh dự thi cao học, chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II. Riêng thí sinh dự thi chuyên khoa cấp II chỉ ưu tiên mục a, e, g. Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng một diện ưu tiên cao nhất.

- Người dự thi cao học thuộc diện ưu tiên: được cộng vào kết quả thi 10 điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng 1 điểm (thang điểm 10) cho môn cơ sở nếu đạt điểm thi từ trung bình trở lên.

- Người dự thi chuyên khoa cấp I thuộc diện ưu tiên: được cộng thêm 1 điểm (thang điểm 10) cho môn cơ sở.

- Người dự thi chuyên khoa cấp II thuộc diện ưu tiên: được cộng vào kết quả thi 10 điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ.

## **IV. HỒ SƠ DỰ THI**

### **- Đối với thí sinh dự thi chuyên khoa I, chuyên khoa II, bác sĩ nội trú, cao học**

Hồ sơ dự thi gồm: *(tất cả các bản sao phải có công chứng và khi nộp hồ sơ thí sinh phải đem theo bản chính để đối chiếu khi cần thiết)*

1. Đơn xin dự thi.

2. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc chính quyền địa phương *(phải có dán ảnh)*.

3. Lý lịch khoa học đối với dự tuyển cao học.

4. Giấy chứng nhận sức khỏe *(của Bệnh viện Đa khoa tỉnh hoặc huyện, có dán ảnh, phải đóng dấu tròn)*.

5. Bản sao bằng tốt nghiệp Đại học, Sau đại học

6. Bản sao bảng điểm đại học toàn khóa có kết quả học tập và xếp loại cụ thể *(đối với thí sinh dự thi cao học, bác sĩ nội trú)*.

7. Bản sao chứng chỉ hành nghề, các chứng chỉ định hướng chuyên khoa, bổ túc kiến thức, chuẩn hóa kiến thức,... theo yêu cầu của từng đối tượng.

8. Giấy xác nhận quá trình học tập đại học của Trường đối với thí sinh dự thi BSNT.

9. Bốn ảnh 3x4 *(ảnh chụp không quá 6 tháng)* và 03 phong bì dán tem ghi sẵn địa chỉ liên hệ của thí sinh.



10. Bản sao công văn cử đi dự thi tuyển sinh của cơ quan quản lý, của Cơ sở tư nhân. Trường hợp thí sinh công tác tại các cơ sở không có dấu tròn thì phải có xác nhận của Phòng Y tế hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh đang công tác về hoạt động của cơ sở. Riêng thí sinh dự thi Bác sỹ nội trú thuộc diện đào tạo theo địa chỉ sử dụng phải có công văn của Ủy ban tỉnh đồng ý cho dự thi.

11. Bản sao quyết định bổ nhiệm công chức nhà nước hoặc quyết định nâng lương gần nhất, hoặc Hợp đồng lao động (đủ để minh chứng cho việc đã và đang làm việc tại đơn vị).

12. Giấy xác nhận thâm niên công tác có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền và xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo yêu cầu của từng đối tượng.

13. Giấy xác nhận thuộc diện ưu tiên kèm theo bản sao các minh chứng (nếu có).

14. Đơn xin miễn thi Ngoại ngữ kèm theo bản sao các minh chứng (nếu có).

#### **- Đối với thí sinh dự tuyển Nghiên cứu sinh**

Hồ sơ dự thi gồm:

1. Đơn xin dự tuyển (theo mẫu qui định).

2. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú (đối với người chưa có việc làm) (có dán ảnh, phải đóng dấu tròn), (10 bộ).

3. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe (của Bệnh viện Đa khoa tỉnh hoặc huyện) (có dán ảnh, phải đóng dấu tròn).

4. Bản sao công chứng bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ, bảng điểm đại học toàn khóa và bảng điểm sau đại học;

Nếu thí sinh dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải nộp giấy công nhận văn bằng đại học, thạc sĩ do Cục khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo (theo qui định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

5. Các văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ hợp lệ theo quy định.

6. Bản sao công chứng các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động dài hạn đối với người trong biên chế Nhà nước.

7. Giấy xác nhận thâm niên công tác hợp lệ trong chuyên ngành đăng ký dự tuyển của cơ quan có thẩm quyền (có mẫu kèm theo). Đối với thí sinh tự do, ngoài giấy xác nhận thâm niên công tác trong chuyên ngành dự tuyển phải kèm theo giấy phép hoạt động (bản sao công chứng) của cơ sở Y tế nơi thí sinh làm việc.

8. Quyết định cử đi dự tuyển của cơ quan chủ quản có thẩm quyền quyết định nhân sự (bản chính). Đối với người ngoài biên chế Nhà nước phải có giấy của địa phương nơi cư trú xác nhận thân nhân tốt và hiện không vi phạm pháp luật.

9. Lý lịch khoa học kèm theo minh chứng (có sao y, bao gồm: Bản liệt kê các bài báo khoa học cùng bản chụp các bài báo đó (gồm trang bìa tạp chí khoa học, mục lục và toàn văn bài báo), các đề tài nghiên cứu khoa học (quyết định giao đề tài, quyết định nghiệm thu đề tài) và bằng khen về thành tích nghiên cứu khoa học (nếu có), (10 bộ)).

10. Bài luận về dự định nghiên cứu (*Riêng đề cương nghiên cứu của thí sinh được nộp trước 10/08/2018*), (10 bộ).

11. Hai thư giới thiệu của các nhà khoa học hoặc thủ trưởng đơn vị của thí sinh (*trong phong bì dán kín có chữ ký giáp lai của người giới thiệu*).

12. Bốn ảnh 3x4 (*chụp trong vòng 6 tháng*) và 02 phong bì đã dán tem không ghi tên.

Các loại giấy tờ được sắp xếp theo thứ tự và đựng trong túi hồ sơ (Hội đồng tuyển sinh chỉ nhận hồ sơ đủ các giấy tờ theo quy định ở trên)

## V. THỜI GIAN - ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ

- Thời gian phát hành hồ sơ bắt đầu từ ngày: **04/04/2018**

- Nộp hồ sơ dự thi và lệ phí ôn thi từ ngày **23/04/2018 – 25/05/2018** cho Phòng Đào tạo Sau Đại học - Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (số 179 đường Nguyễn Văn Cừ, P. An Khánh, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ). Lệ phí kiểm tra hồ sơ: 50.000 đồng/hồ sơ nộp tại Phòng Đào tạo Sau đại học.

- Địa điểm phát hành hồ sơ: Phòng Đào tạo Sau Đại học, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, tầng 3 Khu Nhà tròn-Khoa Y.

### **Ghi chú:**

+ Không nhận hồ sơ qua đường bưu điện.

+ Khi nộp hồ sơ dự thi, thí sinh phải mang theo các loại văn bằng bản gốc để cơ sở đào tạo đối chiếu.

+ Thí sinh tốt nghiệp đại học loại xuất sắc được xét chuyển tiếp sinh đề nghị liên hệ trực tiếp Phòng Đào tạo Sau đại học.

## VI. LỆ PHÍ ÔN THI VÀ THI TUYỂN, XÉT TUYỂN

### **1. Ôn thi:**

Thời gian ôn thi: **từ 11/06/2018 đến 13/07/2018** (*Xem lịch ôn thi và địa điểm ôn thi tại Phòng Đào tạo sau đại học – ĐHYDCT*).

Nhận giấy báo dự thi: **06-21/08/2018** (*Tại Phòng ĐTSĐH – ĐHYDCT*)

- *Bác sĩ nội trú tự ôn tập các môn: Sinh lý, Giải phẫu, Hóa sinh, Y sinh học di truyền, môn chuyên ngành theo chương trình tương ứng trong đào tạo năm học 2017-2018.*

### **2. Lệ phí:**

- Lệ phí đăng ký dự thi:

+ Đối với thí sinh đến nộp tại Trường: 80.000 đ / thí sinh

+ Đối với thí sinh nộp tại Sở Y tế: 95.000đ / thí sinh.

- Lệ phí ôn thi:

+ Đối với CKI, Cao học, BS. Nội trú: 980.000 đ / môn

+ Đối với CKII: 1.300.000 đ / môn



- Lệ phí thi:

+ Đối với CKI, Cao học, BS. Nội trú: 250.000 đ / môn

+ Đối với CKII: 400.000 đ / môn

- Lệ phí xét tuyển hồ sơ nghiên cứu sinh: 1.000.000 đ / thí sinh

- Lệ phí duyệt đề cương nghiên cứu sinh: 3.000.000 đ / thí sinh

\* Trong thời gian ôn tập và thi tuyển thí sinh phải tự túc nơi ăn, ở.

\* *Học viên sẽ không được giải quyết hoàn trả lệ phí ôn thi ngay khi thời điểm ôn thi đã được triển khai.*

## VII. THỜI GIAN THI TUYỂN

**Thời gian thi:** (dự kiến)

- 14 giờ ngày 21/08/2018: phổ biến qui chế thi và làm thủ tục dự thi tại Phòng thi thuộc Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (theo giấy báo dự thi).

- Các buổi thi chính thức:

ĐỐI TƯỢNG	Môn thi					
	S 22/8	C 22/8	S 23/8	C 23/8	S 24/8	C 24/8
CKII		Chuyên môn	Ngoại ngữ			
CKI	Cơ sở	Chuyên môn				
Cao học	Cơ sở	Chuyên môn				
BSNT Nội, Da Liễu	Cơ sở (Đối với thí sinh có đăng ký thi Cao học Nội, Ngoại, Nhi, RHM)	CM Nhi	Ngoại ngữ	Toán Thống kê	Cơ sở (Chọn 1 trong 4 môn: Sinh lý, Giải phẫu, Hóa sinh, Y sinh học di truyền)	CM Nội
BSNT Nhi		CM Nội				CM Nhi
BSNT Ngoại, TMH, Ung thư		CM Sân				CM Ngoại
BSNT Sân		CM Ngoại				CM Sân
BSNT RHM		Nha khoa				Phẫu thuật miệng và hàm mặt

**Thời gian xét tuyển và bảo vệ đề cương của nghiên cứu sinh: 10 - 15/09/2018**

## VIII. ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VÀ XÉT TRÚNG TUYỂN

### 1. Chuyên khoa cấp I và chuyên khoa cấp II

**Điều kiện được xét tuyển:** Các môn thi chuyên ngành, cơ sở đạt từ 5,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10); môn Ngoại ngữ đạt từ 50 điểm trở lên (theo thang điểm 100).

### ***Xét trúng tuyển:***

- Chuyên khoa cấp I: Tính tổng điểm môn chuyên ngành và môn cơ sở, xếp thứ tự từ cao xuống thấp, lấy đến hết chỉ tiêu từng ngành. Trường hợp người dự tuyển có tổng điểm bằng nhau sẽ ưu tiên xét trúng tuyển người có điểm môn chuyên ngành cao hơn.

- Chuyên khoa cấp II: Tính tổng điểm môn chuyên ngành xếp thứ tự từ cao xuống thấp, lấy đến hết chỉ tiêu từng ngành. Trường hợp người dự tuyển có điểm chuyên ngành bằng nhau sẽ ưu tiên xét trúng tuyển người có điểm môn Ngoại ngữ cao hơn hoặc người được miễn Ngoại ngữ.

## **2. Bác sĩ nội trú**

***Điều kiện được xét tuyển:*** thí sinh dự thi phải đạt điểm các môn thi như sau:

- Môn thi 4: môn chuyên ngành phải đạt từ 7,0 điểm trở lên.

- Môn thi 1, 3 và 5: mỗi môn thi phải đạt từ 5,0 điểm trở lên

- Môn thi 2 (ngoại ngữ): phải đạt từ 50 điểm trở lên (theo thang điểm 100).

***Xét trúng tuyển:*** Theo tổng điểm 4 môn thi (*Không tính môn Ngoại ngữ*)

- Việc xét trúng tuyển trên nguyên tắc lấy từ cao xuống thấp theo chuyên ngành đăng ký dự thi. (*Khi thí sinh có tổng điểm bằng nhau sẽ xét điểm môn thi 2*).

- Bác sĩ nội trú bệnh viện sẽ học trong 3 năm, học viên thường trú tại bệnh viện thực hành phù hợp với yêu cầu của từng chuyên ngành để học tập, làm việc thường xuyên, tốt nghiệp được cấp cả bằng Bác sĩ nội trú và CKI (*đối với những chuyên ngành nội trú mà Trường có đào tạo cao học tương ứng thì học viên sẽ được cấp thêm bằng thạc sĩ nếu thí sinh có đăng ký thi cao học và phải dự thi thêm môn 6 tương ứng là môn cơ sở của cao học*).

## **3. Cao học**

***Điều kiện được xét tuyển:*** Các môn thi chuyên ngành, cơ sở đạt từ 5,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10) và môn Ngoại ngữ đạt từ 50 điểm trở lên (theo thang điểm 100).

***Xét trúng tuyển:*** Tính tổng điểm môn chuyên ngành và môn cơ sở, xếp thứ tự từ cao xuống thấp, lấy đến hết chỉ tiêu từng ngành. Trường hợp người dự tuyển có tổng điểm bằng nhau sẽ ưu tiên xét trúng tuyển theo thứ tự người có điểm môn chuyên ngành cao hơn, có điểm môn Ngoại ngữ cao hơn hoặc người được miễn Ngoại ngữ.

## **4. Nghiên cứu sinh**

***Điều kiện được xét tuyển:*** Tổng điểm phần 1 (Đánh giá hồ sơ tối đa 30 điểm) và phần 2 (Đánh giá đề cương tối đa 70 điểm) đạt từ 50 điểm trở lên trong đó điểm phần 2 từ 35 điểm trở lên.

***Xét trúng tuyển:*** Tính tổng điểm 2 phần, xếp thứ tự từ cao xuống thấp, lấy đến hết chỉ tiêu từng ngành. Trường hợp người dự tuyển có tổng điểm bằng nhau sẽ ưu tiên xét trúng tuyển theo thứ tự người có điểm phần 2 cao hơn, số bài báo được tính điểm nhiều hơn, chứng chỉ Ngoại ngữ cấp độ cao hơn.



## VIII. THỜI GIAN CÔNG BỐ KẾT QUẢ VÀ NHẬP HỌC

- Dự kiến công bố kết quả trúng tuyển: 5-10/9/2018, nhập học 25/09/2018
- Dự kiến công bố danh sách trúng tuyển Nghiên cứu sinh: 24-30/9/2018, nhập học chậm nhất 30 ngày kể từ ngày công bố danh sách trúng tuyển.

**Ghi chú:** Mọi chi tiết xin liên hệ Phòng Đào tạo Sau đại học-Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (*Lưu ý: chỉ liên hệ trong giờ hành chính*)

ĐT: 0292.3.781.082

Fax: 0292.3.740.221

Email: [sdh@ctump.edu.vn](mailto:sdh@ctump.edu.vn)

\* Thông báo này thay cho giấy triệu tập ôn thi và thi.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Y tế (*báo cáo*);
- Cục KH CN & ĐT (*để biết*);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (*báo cáo*);
- Vụ Đại học (*để biết*);
- Khoa: Y, RHM, Dược, YTCC, KHCB, Điều dưỡng & KTYH;
- Trung tâm CNTT, website Trường ;
- P. TCKT;
- Lưu: P. HCTH, P. ĐTSĐH.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Trung Kiên**